

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2025 -2026

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2024-2025

1. Môi trường pháp lý

Thông báo số 01/TB-UBND ngày 23 tháng 1 năm 2024 của UBND huyện Đức Trọng, Thông báo kết luận của Đồng chí Lê Nguyên Hoàng - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện tại Hội nghị tổng kết công tác Cải cách hành chính, Chuyển đổi số, Đề án 06 năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025;

Kế hoạch số 08/KH-TCT06 ngày 31 tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Đức Trọng, Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác định điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn huyện Đức Trọng năm 2024;

Kế hoạch số 16/KH-SGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch Thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác định điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” của ngành Giáo dục năm 2024.

Kế hoạch số 10/KH-PGDĐT ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch Thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác định điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” của ngành Giáo dục năm 2024.

Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Đức Trọng, Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Đức Trọng năm 2024;

Kế hoạch số 45/KH-SGDĐT ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch Triển khai thực hiện mô hình điểm nhằm đẩy mạnh thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030” lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Công văn số 1338/UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của UBND huyện Đức Trọng V/v chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai thí điểm Học bạ số;

Công văn số 1343/SGDĐT-TCHC ngày 27 tháng 8 năm 2028 của Sở GDĐT Lâm Đồng về triển khai ngày Chuyển đổi số năm 2024 trong Giáo dục;

Kế hoạch số 1500/KH-SGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Sở GDĐT Lâm Đồng, Kế hoạch Triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025;

Kế hoạch số 88/KH-SGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Sở GDĐT Lâm Đồng, Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025;

Báo cáo số 675/BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Đức Trọng, Báo cáo Kết quả triển khai thực hiện thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số 11 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn huyện Đức Trọng;

Thông báo số 38/TB-UBND ngày 23 tháng 1 năm 2025 của UBND huyện Đức Trọng, Thông báo kết luận của Đồng chí Lê Nguyên Hoàng - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện tại Hội nghị tổng kết công tác Cải cách hành chính, Chuyển đổi số, Đề án 06 năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025;

Hướng dẫn số 87/UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Huyện ủy Đức Trọng, Hướng dẫn Tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 151-KH/TU, ngày 24/2/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”;

Công văn số 1103/UBND-VP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Huyện ủy Đức Trọng V/v tăng cường thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai học bạ số;

2. Hạ tầng kỹ thuật

Năm 2024 tiếp tục được sự quan tâm của UBND Huyện Đức Trọng, PGD-ĐT Đức Trọng và UBND xã Tân Thành, nhà trường tiếp tục được đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị như được cấp 05 bảng trượt phục vụ cho công tác dạy và học. Nhà trường không ngừng trong công tác nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm các trang thiết bị CNTT, hạ tầng kết nối mạng và nâng cấp hệ thống các phần mềm, cập nhật phần mềm mới,... nhằm triển khai chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học và quản lý của nhà trường nhanh, có hiệu quả. Lớp hạ tầng kỹ thuật bao gồm các hệ thống, thiết bị như sau: máy tính, thiết bị di động, kết nối mạng Internet; hệ thống mạng LAN, mạng không dây (wifi), mạng WAN (đối với nhà trường có khuôn viên trải rộng); hệ thống lưu trữ, máy chủ phục vụ nội bộ (nếu cần); phòng máy tính; phòng học bộ môn có ứng dụng CNTT; hệ thống tài liệu điện tử phục vụ giảng dạy; các thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT trong dạy học trên lớp học; các thiết bị CNTT phục vụ quản lý, điều hành; hệ thống họp, hội nghị trực tuyến; hệ thống giám sát; các thiết bị, giải pháp dạy học có tính tương tác cao; các giải pháp và thiết bị kỹ thuật khác. Đến nay hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số trong nhà trường đã đạt được những kết quả như sau: tỷ lệ trung bình máy tính/tổ, bộ phận: 1.0 (mỗi tổ, bộ phận đều có 01 máy tính, máy in, mạng internet kết nối cáp quang, để làm việc do tự trang bị hoặc cơ quan đơn vị cấp); Khu hiệu bộ và phòng tin học sử dụng mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao: 100%; đơn vị có phòng máy tính, phòng học bộ môn, phòng dạy học có trang bị thiết bị CNTT: đạt 100%, phòng họp trực tuyến: đảm bảo 100% nhu cầu sử dụng và được trang bị kết nối wifi tốc độ cao.

3. Các hệ thống nền tảng

Sử dụng các nền tảng hỗ trợ dạy học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; tiếp tục hoàn thiện số hóa tài liệu, giáo trình và xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập phục vụ hoạt động dạy học theo hình thức trực tiếp và trực tuyến, hoạt động tham khảo của giáo viên, học sinh.

Hoàn thiện hệ sinh thái cơ sở dữ liệu ngành giáo dục thống nhất, có chất lượng, cập nhật đầy đủ thông tin theo từng thời điểm, giai đoạn; quản lý cơ sở dữ liệu tập trung, phục vụ công tác quản lý, báo cáo, khai thác, đáp ứng môi trường quản lý thông minh và báo cáo không giấy tờ trên môi trường mạng.

4. Phát triển dữ liệu

Các hệ cơ sở dữ liệu do Bộ GDĐT cung cấp: cơ sở dữ liệu ngành (csdl.moet.gov.vn); phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (pcgd.moet.gov.vn); hệ thống thư điện tử Bộ GDĐT (moet.edu.vn); hệ thống văn phòng điện tử Bộ GDĐT (eoffice.moet.gov.vn); Cổng Dịch vụ công Quốc gia (dichvucong.gov.vn); CSDL Ngành; phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục; phần mềm PCGD-XMC; Các hệ cơ sở dữ liệu của tỉnh và Sở GDĐT: quản lý cán bộ công chức viên chức qlcbccvc.lamdong.gov.vn); quản lý CBQL, GV, NV, học sinh (vnEdu.vn); hệ thống email công vụ tỉnh (lamdong.edu.vn); hệ thống quản lý văn bản điều hành sgdlamdong.vnptioffice.vn); (xachthuc.dichvucong.gov.vn); phần mềm tuyển sinh lớp 10 THPT. Các cơ sở dữ liệu ngành đã được triển khai chủ yếu do Bộ GDĐT, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành triển khai áp dụng đầy đủ. Hiện nay các hệ cơ sở dữ liệu đã cơ bản hoàn thiện và có tính kết nối, đồng bộ cao, đáp ứng nhu cầu quản lý và khai thác thông tin của nhà trường.

5. Các ứng dụng, dịch vụ

Hiện trạng ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động chuyển đổi số: Nhà trường sử dụng hệ thống Zoom, Google meet, để tổ chức hội nghị, họp, dạy học trực tuyến. Trong năm 2023 Cán bộ, giáo viên nhà trường đã tham gia các cuộc họp trực tuyến về bồi dưỡng chuyên môn, giáo viên thực hiện dạy trực tuyến tại thời điểm đầu năm theo qui định và môn số môn học như GDĐP, NGLL.

Nhà trường tiếp tục tiếp tục tăng cường triển khai ứng dụng thư điện tử để phục vụ cho công việc, trong thời gian qua tỷ lệ viên chức, người lao động có hộp thư điện tử phục vụ công việc chiếm 100%. 100% các loại văn bản (trừ văn bản mật) được trao đổi qua hệ thống quản lý văn bản điều hành của Trường (mail, nhóm Zalo), gồm có: thông báo, giấy mời, thông báo kết luận, công văn, báo cáo, kế hoạch, lịch công tác, văn bản quy phạm pháp luật...

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành liên thông từ nhà trường đến viên chức đã đem lại hiệu quả như: hồ sơ được thực hiện hoàn toàn qua mạng, kiểm soát được quy trình, thời gian xử lý công việc vì vậy hạn chế được tình trạng văn bản quá hạn xử lý, tiết kiệm được chi phí văn phòng phẩm phục vụ cho việc in ấn, gửi nhận văn bản. Hiện tại 100% viên chức cơ quan được cấp tài khoản đăng nhập hệ thống Vnedu, tỷ lệ thường xuyên đăng nhập để xử lý công việc đạt 100%, 100% lãnh đạo quản lý, văn thư, kế toán, cán bộ công đoàn các đơn vị trực thuộc nhà trường có tài khoản đăng nhập hệ thống.

Triển khai thực hiện và phát hành văn bản sử dụng chữ ký số góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước. Qua triển khai thực hiện đã góp phần đẩy nhanh tiến độ, chất lượng giải quyết công việc, thực hiện trao đổi thông tin trên môi trường mạng. 100% 100% CBQL, GV trong nhà trường có chữ ký số cá nhân do tổ chức dịch vụ Viettel cấp và sử dụng trong việc ký hồ sơ điện tử, văn bản điện tử,...

Hiện trạng hoạt động ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp trong chuyển đổi số: Nhà trường cơ bản đã sử dụng thanh toán cá nhân không sử dụng tiền mặt.

Nhà trường đã đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến để nâng cao chất lượng phục vụ viên chức, người dân, doanh nghiệp trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính một cách thuận tiện nhất. Cập nhật kịp thời, đầy đủ hồ sơ của các tổ chức, cá nhân lên hệ thống phần mềm một cửa điện tử theo quy định.

100% học sinh đăng ký và nhận kết quả tuyển sinh lớp 6, lớp 10 năm 2026 trực tuyến.

6. Nguồn nhân lực

Nhà trường hiện có BGH thực hiện chuyên trách về CNTT và thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số 09 thành viên trong đó có đồng chí Hiệu trưởng phụ trách làm Trưởng Ban để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục theo năm học, công tác dạy và học môn Tin học và tham gia các cuộc thi Tin học,... Nhà trường bố trí cơ bản đủ số lượng giáo viên giảng dạy môn Tin học và thực hiện nhiệm vụ phát triển và ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong trường học.

Trong năm 2024, Lãnh đạo nhà trường, giáo viên tham gia đầu đủ các lớp tập huấn do Sở GDĐT đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng CNTT, chuyển đổi số cho giáo viên.

Việc sử dụng Internet của viên chức phục vụ công tác được thực hiện rộng rãi, 100% các vị trí làm việc trong nhà trường có kết nối Internet để phục vụ cho công việc.

7. An toàn thông tin

Nhà trường thường xuyên cho giáo viên tin học thực hiện theo sự hướng dẫn của Sở giáo dục kiểm tra máy tính nhiễm mã độc và đã được hướng dẫn xử lý kịp thời.

Nhà trường thường xuyên triển khai các văn bản, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng: thông qua các hội nghị, lớp tập huấn, thông tin nội bộ nhà trường, tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho Viên chức, người lao động về an toàn thông tin, an ninh mạng, hạn chế tối đa sự lây nhiễm mã độc gây mất an toàn thông tin đặc biệt là trong cơ quan.

Trong năm 2024, Nhà trường không để xảy ra sự cố nào về mất an toàn thông tin, vi phạm Luật An ninh mạng.

8. Kinh phí thực hiện

Tình hình bố trí kinh phí cho triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2024-2025

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Đánh giá hiện trạng, hiệu quả
PGD	05 bảng trượt	Vốn khác	11/2024	35,3 tr	Hoàn thành
TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	TW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	Mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ mục tiêu phát triển hạ tầng CNTT	Trong năm 2024	11/2024	15tr	x

Ngoài kinh phí trên, nhà trường bố trí nguồn chi trong chi thường xuyên để thực hiện sửa chữa, nâng cấp hệ thống thang thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng CNTT, ước tính 42tr đồng/năm.

9. Tồn tại hạn chế

Kinh phí bố trí thực hiện đầu tư hạ tầng CNTT, chuyển đổi số, các điều kiện đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng hàng năm chưa tương xứng yêu cầu nhiệm vụ và thường chậm giải ngân.

10. Kiến nghị

Không.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2025-2026

1. Căn cứ lập Kế hoạch

Căn cứ Thông tư số 42/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo; Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT (gọi tắt là Quyết định 4725) ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ GDĐT (gọi tắt là Quyết định 3276) ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non;

Thực hiện Công văn số 820/KHCNTT-DL ngày 08/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện các nội dung về kết nối, đồng bộ dữ liệu học bạ số;

Kế hoạch số 35/KH-BGDĐT ngày 15/01/2025 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện Học bạ số cấp Tiểu học; Kế hoạch số 61/KH-BGDĐT ngày 21/01/2025 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện Học bạ số cấp Trung học;

Kế hoạch số 1576/ KH-BGDĐT ngày 28/10/2024 về việc triển khai nhiệm vụ Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý văn bằng trong hệ thống giáo dục và Triển khai Công văn số 5835/BGDĐT-KHCNTT ngày 23/9/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT), Chuyển đổi số (CDS), thông kê giáo dục năm học 2025 – 2026;

Công văn số 1114/SGDĐT-GDTrH ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Sở GDĐT Lâm Đồng về V/v triển khai thống nhất, đồng bộ nhiệm vụ Chuyển đổi số, Học bạ số, Hồ sơ, sổ sách điện tử có ký số; vận hành, quản lý và khai thác Hệ thống CSDL của Ngành giáo dục Lâm Đồng;

Công văn số 1115/SGDĐT-GDTrH ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Sở GDĐT Lâm Đồng về V/v triển khai thống nhất, đồng bộ nhiệm vụ Chuyển đổi số, Học bạ số, Hồ sơ, sổ sách điện tử có ký số; vận hành, quản lý và khai thác Hệ thống CSDL của Ngành giáo dục Lâm Đồng;

Công văn số 1325/SGDĐT-GDTrH ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Sở GDĐT Lâm Đồng về hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thông kê giáo dục năm học 2025-2026;

2. Mục tiêu

Nhà trường xây dựng một số mục tiêu thực hiện trong năm học 2025-2026 như sau:

- + 100% Các tổ, bộ phận được trang bị máy tính để phục vụ công việc.
- + 100% máy tính của tổ, bộ phận được cài đặt phần mềm diệt virus (bản quyền).
- + 100% tỷ lệ cán bộ, viên chức và người lao động của cơ quan được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.
- + Tối thiểu 80% và phần đầu 90% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.
- + 100% thực hiện thu tiền của học sinh qua hệ thống thẻ ngân hàng.
- + Tối thiểu 90% và phần đầu 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- + 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê giáo dục được thực hiện qua hệ thống báo cáo của ngành;
- + 50% hoạt động kiểm tra của nhà trường được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của nhà trường.
- + Nhà trường sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành để trao đổi, xử lý công việc trên môi trường mạng.
- + Triển khai học bạ điện tử và thanh toán học phí không dùng tiền mặt.
- + Triển khai các hệ thống thông tin điều hành trường học thông minh.
- + 100% các dịch vụ phục vụ phụ huynh, học sinh được triển khai như: xét tuyển học sinh đầu cấp, kiểm tra, đánh giá, tra cứu kết quả học tập của học sinh đều thực hiện trên môi trường mạng và qua tin nhắn OTT, email và website trường học ở cấp học phổ thông và giáo dục thường xuyên.
- + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số vào các hoạt động quản lý, dạy và học.
- + 100% giáo viên được nâng cao và tích lũy kinh nghiệm xử lý trong công tác giảng dạy, thông qua việc tích lũy và chia sẻ thông tin trên một hệ thống quản lý vận hành tập trung thông minh. 100% đơn vị triển khai công tác dạy và học qua môi trường mạng song song với dạy và học trực tiếp. 20% nội dung chương trình, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.
- + 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của cơ quan được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành.
- + Tối thiểu 60% các hệ thống thông tin có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các CSDL của cơ quan quản lý nhà nước, không phải cung cấp lại.
- + Tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại Nhà trường và 60% hồ sơ công việc tại cơ sở được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).
- + Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý, đầu tư ứng dụng CNTT. Duy trì ổn định và

khai thác hiệu quả các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, bảo đảm liên thông và đồng bộ với các hệ thống thông tin quốc gia, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, CSDL của các bộ, ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, đặc biệt về ATTT mạng cho cán bộ chuyên trách CNTT và đội ứng cứu sự cố về ATTT mạng (tổ CNTT Sở GDĐT và đội ngũ giáo viên tin học).

Thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin;

Triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn; 100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân trẻ em hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội. Triển khai Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”.

3. Nhiệm vụ chủ yếu

3.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

BGH thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các chỉ đạo của cấp trên về chuyển đổi số, gắn với thực hiện nhiệm vụ năm học. Xác định trách nhiệm của người đứng đầu là nhân tố lãnh đạo, chỉ đạo tích cực nhất và quyết định sự thành công trong hoạt động chuyển đổi số của nhà trường.

Tiếp tục thực hiện việc đăng tải các nội dung về chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử của nhà trường để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động trong nhà trường về lợi ích chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành, xử lý công việc. Quán triệt toàn thể tham gia kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia, kênh truyền thông về chuyển đổi số của tỉnh để cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số.

Triển khai các chương trình, kế hoạch, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025, trong đó chú trọng tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của viên chức trong nhà trường về chuyển đổi số.

3.2. Thể chế số

Ban hành Kế hoạch Chuyển số năm 2025 về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số dự năm học 2024-2025 theo chỉ đạo của Sở GDĐT.

Quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 25/5/2022 của Tỉnh Ủy Lâm Đồng về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 5731/KH-UBND ngày 03/8/2022 về Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Quyết định 764/QĐ-UBND ngày ngày 14/4/2023 về việc Ban hành Kế hoạch tổ chức Phong trào thi đua "Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025"; Kế hoạch số 3731/KH-UBND ngày 26/4/2023 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 8124/KH-UBND ngày

18/9/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Kế hoạch số 4858/KH-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT” giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; và các văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã Tân Hội về thực hiện chuyển đổi số.

3.3. Hạ tầng số

Duy trì hệ thống CNTT đồng bộ, thống nhất phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị của trường được thực hiện qua môi trường mạng; duy trì kết nối hệ thống mạng giữa BGH với chi bộ và với các tổ, bộ phận nhằm phát huy hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, đáp ứng hoạt động chuyển đổi số.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng máy tính và các thiết bị mạng, đường truyền...; tham mưu, nâng cấp, mua sắm bổ sung thiết bị hiện đại đảm bảo hạ tầng CNTT trong trường vận hành ổn định, an toàn, thông suốt.

Duy trì, nâng cấp các ứng dụng đã triển khai và thực hiện trong nhà trường: Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành; Trang Thông tin điện tử trường THCS Tân Thành; hệ thống quản lý trường học online;

3.4. Nhân lực số

Đẩy mạnh công tác tự học tập, tuyên truyền, chủ động nâng cao nhận thức của viên chức các kiến thức về CNTT, ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình vận hành, khai thác hạ tầng, ứng dụng trong dạy học và trong việc xử lý các công việc chuyên môn.

Nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả về đào tạo, tuyển dụng, bố trí, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chuyển đổi số.

3.5. Phát triển dữ liệu số

Tiếp tục xây dựng kho dữ liệu số đảm bảo kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin và dữ liệu, từng bước hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích đảm bảo phục vụ tốt theo yêu cầu quản lý nhà nước và hoạt động dạy học.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 4725/QĐ- BGDDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Kế hoạch số 4858/KH-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT” giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. Quán triệt CBCCVC trong toàn ngành thường xuyên tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư các thông tin y tế, bảo hiểm xã hội, ... ứng dụng di động công dân số từ VNEID. Công văn số 1325/SGDDĐT-GDTrH ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Sở GDĐT Lâm Đồng về hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026, ...

3.6. An toàn thông tin mạng

Chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống mã độc tập trung, ngăn chặn các âm mưu, nguy cơ làm mất an ninh, an toàn, bảo mật thông tin như cài phần mềm diệt virus bản quyền cho máy tính BGH, Kế toán. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức đến viên chức về kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thực hiện nghiêm túc việc thực hiện soạn thảo, in ấn tài liệu mật; không lưu trữ cơ sở dữ liệu, tài liệu có chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật của nhà nước trên máy tính kết nối mạng.

Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng; định kỳ, đột xuất thực hiện tự kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng, triển khai ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống CNTT của nhà trường.

3.7. Chính quyền số

Nâng cao hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến dựa theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng công nghệ để phát triển các dịch vụ số, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết.

Tiếp tục rà soát, nâng cấp các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên mức độ 3 và mức độ 4.

Duy trì ổn định kết nối giữa nhà trường với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và ngành giáo dục.

Duy trì hoạt động thường xuyên của Trang thông tin điện tử của nhà trường để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị có khả năng tương tác thuận tiện trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp thông tin dịch vụ trên các phương tiện truy cập khác nhau.

Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống văn phòng điện tử và hệ thống CSDL phục vụ công tác của viên chức trong nhà trường. Khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến, tăng cường kết nối trực liên thông văn bản của tỉnh.

Đảm bảo hoạt động thường xuyên các hệ thống phần mềm quản lý, chỉ đạo; các hồ sơ công việc được xử lý dưới dạng điện tử, thực hiện trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số chuyên dùng (trừ các văn bản, hồ sơ công việc thuộc danh mục bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định).

3.8. Kinh tế số và xã hội số

Tuyên truyền, phổ biến triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong phổ cập định danh số, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử; chữ ký số và chứng thực chữ ký số... trong hoạt động của nhà trường.

Phối hợp với các ban, ngành, địa phương trong việc thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp: phát triển mô hình trường học thông minh, thư viện số và quản lý trường học trên môi trường mạng để đáp ứng các chỉ tiêu chuyển đổi số, phát triển kinh tế xã hội.

Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Phối hợp, thực hiện tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của địa phương; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán,

sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số... để viên chức và người lao động trong nhà trường nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân...

Triển khai các biện pháp kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, mức độ chuyển đổi số hằng năm theo quy định thuộc phạm vi quản lý của nhà trường.

3.9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin.

Phối hợp, thực hiện tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của địa phương; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, học sinh; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số... để viên chức người lao động trong ngành giáo dục nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, học sinh; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân...

Triển khai các biện pháp kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, mức độ chuyển đổi số hằng năm theo quy định thuộc phạm vi quản lý của UBND xã và của Sở GDĐT.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Thường xuyên rà soát, kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của nhà trường; gắn kết với cải cách hành chính; xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

4.2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho viên chức, học sinh.

Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, khuyến khích viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất (tham gia bình dân học vụ số).

4.3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

Phối hợp với các ban, ngành, địa phương trong công tác tham mưu, đưa ra biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng sự quan tâm, chi trả chế độ trong tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực...

4.4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Phối hợp với các đơn vị Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối; tăng cường ứng dụng công nghệ AI trong thực hiện nhiệm vụ, dạy học và trong các hoạt động giáo dục khác.

4.5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bổ trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

4.6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số, giảng dạy môn Tin học theo chuẩn quốc tế và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số lĩnh vực GDĐT...).

5. Tổ chức thực hiện

a) Đối với nhà trường

Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của các cấp đến viên chức, người lao động và học sinh.

Thực hiện xây dựng kế hoạch chuyên đổi số theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của ngành.

Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kịp thời và hợp với tình hình đặc điểm của nhà trường.

Thực hiện đánh giá hàng năm về chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ- BGDDT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT.

Thực hiện chuyên đề nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ trong năm học.

b) Đối với giáo viên

Tăng cường tự học, tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Thực hiện đổi mới nội dung, chương trình giáo dục, phát triển giáo dục, giáo dục kỹ năng số, giáo dục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng. Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài liệu giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và gián tiếp.

Tổ chức thực hiện đánh giá theo quy định tại Quyết định số 4725/QĐ- BGDDT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT.

Trên đây là kế hoạch chuyển đổi số năm học 2025-2026 của trường THCS Tân Thành. Đề nghị các tổ, bộ phận nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

Đảng ủy, UBND xã (b/c);

Viên chức (t/h);

Lưu HSCDS, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Giang Công Biên

PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM HỌC 2025 – 2026

*(Kèm theo Kế hoạch số 50/KH-THCS TTT ngày 21 tháng 10 năm 2025
của trường THCS Tân Thành)*

STT	Nhiệm vụ	Thực hiện	Thời gian thực hiện	Mục tiêu, yêu cầu
1	Công tác phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn	BGH, TTCM	Năm học 2025 - 2026	Công tác phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, nâng cao chất lượng công việc thực thi công vụ.
2	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số	Hiệu trưởng	Quý IV/2025	Xác định những nhiệm vụ trọng tâm phải thực hiện Chuyển đổi số trong năm học 2025 - 2026.
3	Tuyên truyền, Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10)	BCĐ	Năm học 2025-2026	Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia.
4	- Rà soát, bảo trì, bảo dưỡng, định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra hiện trạng, tình hình hoạt động của hệ thống mạng, bị CNTT (máy in, máy vi tính...) đã hư hỏng, xuống cấp, hết hạn. - Tăng cường an toàn, an ninh mạng hệ thống máy tính trong nhà trường. - Rà soát, nâng cấp, sửa chữa hoặc thay mới các trang thiết	BCĐ	Thường xuyên	Đáp ứng kịp thời trang thiết bị CNTT phục vụ cho việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, tăng cường tính an toàn, bảo mật của thông tin.
5	Cử viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, diễn tập cứu hộ, khắc phục sự cố về CNTT.	BGH	Năm học 2025-2026	Xây dựng đội ngũ có trình độ, được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ kiến thức về CNTT đáp ứng được yêu cầu Chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ của ngành.

5	Phối hợp, tổ chức triển khai đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng đối với hệ thống CNTT của cơ quan	BGH	Thường xuyên	Đảm bảo an toàn, an ninh mạng.
6	Thực hiện tốt các ứng dụng hỗ trợ trong nhà trường và trên Hệ thống CSDL ngành giáo dục, tăng cường ứng dụng CNTT, ứng dụng công nghệ AI trong dạy học	Viên chức	Thường xuyên	Quản lý dữ liệu, khai thác và phát triển ứng dụng trên hệ sinh thái CSDL ngành giáo dục
7	Thực hiện tốt các yêu cầu của trung tâm điều hành thông minh (IOC) của Sở GDĐT.	BCĐ	Năm học 2025-2026	Phục vụ cho công tác quản lí.
8	Tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số và an toàn thông tin	BCĐ	Năm học 2025-2026	Đánh giá kết quả thực hiện. Xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo
9	Rà soát Hệ thống văn bản điện tử	BGH	Năm học 2025-2026	Rà soát để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc lưu trữ, phát hành, chuyển văn bản đi, đến trên hệ thống văn bản điện tử (nếu có).